TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/DS-ST
Ngày: 12 – 4 – 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Minh
Ông Võ Thanh Liêm

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thông Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 558/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN. Trụ sở: Tháp B, số 194 đường Trần Quang Khải, phường L, quận H, thành phố H ..

Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Phan Đức Tú. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tham gia tố tụng tại Tòa án: Chị Lê Thị Liên - Chuyên viên phòng Quản lý rủi ro của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Đất Mũi, (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh T1. Sinh năm: 1983, (có mặt).

Nơi cư trú: số 147 đường Phạm Hồng Thám, phường 4, thành phố C, tỉnh C ..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Thơm B. Nơi cư trú: Số 147, đường Phạm Hồng Thám, phường 4, thành phố Cà Mau (vắng mặt).

Bà Võ Thị Mỹ N2. Nơi cư trú: Số 147, đường Phạm Hồng Thám, phường 4, thành phố Cà Mau (vắng mặt).

Bà Trần Thanh T3 (Trần Thị Phương Thảo). Nơi cư trú: Số 147, đường Phạm Hồng Thám, phường 4, thành phố Cà Mau (vắng mặt).

Ông Nguyễn Phước T2. Nơi cư trú: Số 147, đường Phạm Hồng Thám, phường 4, thành phố Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị Lê Thị Liên - đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Đất Mũi (sau đây gọi tắc là Ngân hàng) với bà Nguyễn Thanh T1 có ký kết các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số: 57/2018/7480982/HĐTD ký ngày 24/5/2018, Ngân hàng cho bà T1 vay số tiền vay: 800.000.000 đồng, thời hạn vay: 240 tháng, lãi suất cho vay: 10%/năm (được áp dụng tới ngày 23/5/2019) và sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mục đích vay: sửa nhà. Dư nợ tạm tính đến hết ngày 12/4/2023 là: 561.245.189 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 535.000.000 đồng, nợ lãi 26.245.189 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: 414/2021/7480982/HĐTD ký ngày 07/12/2021, bà T1 vay số tiền vay: 500.000.000 đồng, thời hạn vay: 11 tháng, lãi suất cho vay: 8%/năm cố định trong thời gian của Hợp đồng này, lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mục đích vay: Nuôi thủy sản (nuôi tôm, cua, cá). Dư nợ tạm tính đến hết ngày 12/4/2023 là: 524.786.382đồng. Trong đó: Nợ gốc: 485.036.653 đồng, nợ lãi: 39.749.729 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: 22/2022/7480982/HĐTD ký ngày 27/01/2022, bà T1 vay: 1.050.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất cho vay: 8,7%/năm cố định trong thời gian của Hợp đồng này, lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mục đích vay: Nuôi thủy sản (nuôi tôm, cua, cá). Dư nợ tạm tính đến hết ngày 12/4/2023 là: 1.132.301.190 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 1.050.000.000 đồng, nợ lãi: 82.301.190 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: 202/2022/7480982/HĐTD ký ngày 22/7/2022, bà T1 vay: 500.000.000 đồng, thời hạn vay: 11 tháng, lãi suất cho vay: 10%/năm cố định trong thời gian của Hợp đồng này, lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là: 10%/năm tính

trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mục đích vay: Nuôi tôm. Dư nợ tạm tính đến hết ngày 12/4/2023 là: 536.460.875 đồng Trong đó: Nợ gốc: 500.000.000 đồng, nợ lãi: 36.460.875 đồng.

Trong quá trình vay vốn bà Nguyễn Thanh T1 không thực hiện đúng cam kết trả nợ vay cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký, về phía Ngân hàng đã nhiều lần thông báo cũng như làm việc trực tiếp với bà Nguyễn Thanh T1 yêu cầu trả nợ.

Đến thời điểm hiện tại, bà Nguyễn Thanh T1 vẫn không thực hiện việc trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện bà Nguyễn Thanh T1, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thanh T1 phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 12/4/2023 là: 2.754.793.636 đồng, trong đó: Nợ gốc: 2.570.036.653 đồng, nợ lãi: 184.756.983 đồng và lãi phát sinh cho đến khi bà Nguyễn Thanh T1 thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng.

Trường hợp bà Nguyễn Thanh T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền chủ động hoặc đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm để thi hành án là: quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 5901030851 (Hồ sơ gốc số: 334/CNUB) do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 09/06/2003, đăng ký thay đổi thông tin chủ sở hữu ngày 20/9/2010.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thanh T1 trình bày: Bà thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Thơm B trình bày: Ông là cậu ruột của bà Nguyễn Thanh T1, đang sinh sống tại phần nhà và đất bà T1 thế chấp vay vốn tại Ngân hàng. Trường hợp Tòa án có đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông xin vắng mặt tại các giai đoạn tố tụng của Tòa án, ông không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về việc Ngân hàng khởi kiện bà T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị Mỹ N2 và Trần Thị Phương Thảo thống nhất trình bày: Bà N2 là mợ dâu và bà T3 là dì ruột của bà Nguyễn Thanh T1, đang sinh sống tại phần nhà và đất bà T1 thế chấp vay vốn tại Ngân hàng. Bà không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về việc Ngân hàng khởi kiện bà T1.

Đối với ông Nguyễn Phước T2, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T2 nhưng ông T2 vắng mặt, không đến Tòa cũng như không nộp văn bản nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà T1.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thanh T1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 12/4/2023 là: 2.754.793.636 đồng Trong đó: Nợ gốc: 2.570.036.653 đồng, nợ lãi: 184.756.983 đồng. Trường hợp bà T1 không thanh toán các khoản tiền trên đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Án phí: Ngân hàng không phải chịu, bà T1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T2, bà T3, ông B, bà N2 đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án, ông B, bà N2 có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T2, bà T3 vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc bà Nguyễn Thanh T1 thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 12/4/2023 là: 2.754.793.636 đồng Trong đó: Nợ gốc: 2.570.036.653 đồng, nợ lãi: 184.756.983 đồng, thấy rằng: giữa Ngân hàng với bà T1 có ký kết các hợp đồng tín dụng để vay vốn của Ngân hàng là thực tế có xảy ra. Hợp đồng tín dụng các đương sự đã ký kết được thiết lập trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận của hai bên và phù hợp pháp luật nên được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký và bà cũng thống nhất thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1 có trách nhiệm thanh toán số tiền trên là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, thấy rằng: khi bà T1 vay tiền của Ngân hàng, đôi bên có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 49/2017/7480982/HĐBĐ ngày 22/5/2017 để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán nợ. Do bà T1 đã vi phạm hợp đồng tín dụng, không thanh toán nợ cho Ngân hàng và đồng ý xử lý tài sản thế chấp nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản trên là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 5901030851 (Hồ sơ gốc số: 334/CNUB) do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 09/06/2003, đăng ký thay đổi thông tin chủ sở hữu ngày 20/9/2010 là có cơ sở chấp nhận. Trường hợp bà T1 thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà T1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T1 phải chịu theo quy định. Ngân hàng không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí sẽ được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chi phí xem xét thẩm định 400.000 đồng bà T1 phải chịu. Ngân hàng đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định 400.000 đồng nên bà T1 có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 400.000 đồng.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 207; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 299; 301; 302; 317; 320; 323; Điều 355; 463; 466 và 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN.

- Buộc bà Nguyễn Thanh T1 thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 12/4/2023 là: 2.754.793.636 đồng

- Buộc bà Nguyễn Thanh T1 tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN khoản lãi phát sinh từ ngày 13/4/2023 theo mức lãi suất được ghi nhận trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng với bà T1 đến khi thi hành xong khoản nợ.

Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà T1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 5901030851 (Hồ sơ gốc số: 334/CNUB) do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 09/06/2003, đăng ký thay đổi thông tin chủ sở hữu ngày 20/9/2010 khi bà T1 thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Nguyễn Thanh T1 không tự nguyện thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc bà T1 giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN theo hợp đồng thế chấp tài sản số 49/2017/7480982/HĐBĐ ngày 22/5/2017 là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 5901030851 (Hồ sơ gốc số: 334/CNUB) do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 09/06/2003, đăng ký thay đổi thông tin chủ sở hữu ngày 20/9/2010 để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN.

Ông Trần Thơm B, bà Võ Thị Mỹ N2, bà Trần Thanh T3 (Trần Thị Phương Thảo), ông Nguyễn Phước T2 có nghĩa vụ di dời tài sản của mình ra khỏi phần đất nếu phải xử lý tài sản thế chấp.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh T1 phải chịu 87.096.000 đồng. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam không phải chịu án phí. Ngày 27/10/2022 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN đã nộp tạm ứng án phí

số tiền 42.548.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0002296 được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 400.000 đồng.

Kể từ ngày ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền 400.000 đồng, hàng tháng bà T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Thanh Quốc